

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ
Bản án số:09/2018/HSST
Ngày 09/8/2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH- TỈNH THANH HOÁ
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà: Trương Thị H
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Văn Th và Ông Vi Văn H
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Lê Văn M – cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh – Thanh Hoá.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh tham gia phiên tòa:*
Ông Đinh Văn L – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2018/HSST ngày 09 tháng 7 năm 2018 đối với:

Bị cáo: **Lê Thị T**, sinh năm 1970 tại Xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Trú tại: Thôn Chiềng Lện, xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: Không

Dân tộc: Thái; Tôn giáo: không.

Con ông: Lê Văn Th (Đã chết); và bà: Lê Thị N. Bị cáo có chồng là Lang Văn D và 03 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1998.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại và đang được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa;

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Thu V, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý số 2

Địa chỉ: Phố Lê Duẩn, thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

Người bị hại: Chị Lê Thị T – sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn Chiềng Lện, xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.
(Có mặt).

Người phiên dịch cho người bị hại: Ông Phạm Văn B - sinh năm 1972

Địa chỉ nơi làm việc: Phòng Thanh tra thuộc UBND huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; (Có mặt)

Người làm chứng:

1. Anh Lê Văn D - sinh năm 1970 (Vắng mặt);

2. Bà Lê Thị P - sinh năm 1958 (Có mặt);

Điều trú tại: Thôn Chiềng Lện, xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt sau:

Khoảng 16 giờ ngày 03/02/2018 Lê Thị T thấy Lê Thị Th cư trú tại thôn Chiềng Lện, xã Giao Thiện chửi mắng Hà Thị T là cháu dâu của mình nên chị T đã có lời qua tiếng lại với Th. Sau sự việc đó chị T về nhà và phát hiện thấy đoạn ống dẫn nước từ trên khe đồi nhà mình bị chặt đứt. Nghi ngờ Th là người chặt ống dẫn nước nên chị T đến nhà bà Lê Thị P (còn gọi là Mươi) ở thôn Chiềng Lện, xã Giao Thiện gặp chồng Thanh là Lang Văn D và nói về việc T chặt ống dẫn nước nhà mình. Sau đó D về nhà và hỏi Th về việc Th có chặt ống dẫn nước nhà chị T không, Th nói với anh D là không. Khoảng hơn 17 giờ cùng ngày Th đến nhà chị T. Lúc đó chị T đang ngồi nấu cơm trong bếp. Th hỏi chị T tại sao lại nói tôi là người chặt ống dẫn nước, giữa Th và chị T có lời qua tiếng lại với nhau. Th đã cầm một đoạn gỗ dạng củi kích thước khoảng hơn một mét, đường kính khoảng 04 centimet tại đồng củi nơi chị T ngồi nấu cơm. Th

cầm thanh củi bằng tay phải vụt theo hướng từ trên xuống trúng vào vùng mặt trước cẳng tay phải của chị T. Sau khi bị đánh chị T đứng lên rồi quay người bỏ chạy. Th tiếp tục cầm đoạn củi bằng tay phải vụt trúng vùng lưng bên phải của chị T. Chị T tiếp tục bỏ chạy khỏi nhà nên Th ném đoạn củi gỗ dùng để đánh T vào đồng củi rồi đi về nhà mình.

Sau khi bị đánh, chị T chạy đến nhà bà Lê Thị P và kể lại toàn bộ sự việc cho bà P biết. Đến 09 giờ 15 phút ngày 04/02/2018 chị T đến bệnh viện Đa khoa huyện Lang Chánh điều trị. Đến 15 giờ 30 phút ngày 05/02/2018 chị T ra viện.

Ngày 20/3/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện Lang Chánh ra quyết định trưng cầu giám định số 09/CQĐT trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa giám định mức độ tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên đối với chị Lê Thị T.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 158/2018/TTPY của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chị T bị gãy kín 1/3 giữa xương trụ phải, các sụn phần mềm vùng mặt ngoài cổ tay phải, vết sọc lưng bên phải. Tổng tỷ lệ thương tích là 12% (mười hai phần trăm).

Ngày 19/4/2018 người bị hại Lê Thị T có đơn đề nghị được bồi thường thiệt hại gồm:

1. Tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị 03 tháng chị phải nghỉ và không đi làm thuê được, số tiền thu nhập là: $1.700.000\text{đ}/\text{tháng} \times 3 \text{ tháng} = 5.100.000\text{đ}$;
2. Tiền mất thu nhập từ làm ruộng là 3.000.000đ;
3. Tiền tự mua thuốc uống là 1.900.000đ;
4. Tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 30.000.000đ. Tổng số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan CSĐT đã tổ chức truy tìm vật chứng của vụ án là đoạn củi gỗ mà Lê Thị Th đã dùng để gây thương tích cho chị Lê Thị T nhưng không phát hiện được đoạn củi gỗ có đặc điểm như Th khai báo.

Tại bản Cáo trạng số 10/CTr- KSĐT-TA ngày 05/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh đã truy tố bị cáo Lê Thị Th về tội “ **Cố ý gây thương tích**” theo Khoản 2 Điều 134 BLHS.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Lê Thị Th phạm tội "Cố ý gây thương tích". Áp dụng: Khoản 2 Điều 134; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Điều 65 BLHS; xử phạt bị cáo Lê Thị Th từ 24(Hai bốn) đến 30(Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 (*bốn mươi tám*) đến 60 (*sáu mươi*) tháng, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường chi phí hợp lý trong việc điều trị thương tích cho chị Lê Thị T theo qui định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị HĐXX miễn nộp tiền án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, người bào chữa cho bị cáo cũng đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lê Thị Th về tội “**Cố ý gây thương tích**” theo Khoản 2 Điều 134 của BLHS và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của BLHS, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đề nghị HĐXX xem xét áp dụng Điều 54, Điều 65 của BLHS xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo từ 18 tháng 22 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 36 đến 44 tháng; giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo;

Về phần bồi thường: Theo đơn đề nghị của người bị hại là chưa phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ vào Điều 590 BLDS buộc bị cáo bồi thường chi phí hợp lý cho người bị hại theo qui định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, đã có đơn đề nghị và được chính quyền địa phương xác nhận, gia

đình bị cáo thuộc hộ nghèo, nên đề nghị HĐXX xem xét miễn nộp tiền án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Thị Th đã thành khẩn khai báo nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng ý với lời bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo có điều kiện cải tạo trở thành người tốt.

Người bị hại đề nghị HĐXX giải quyết về mức hình phạt theo quy định của pháp luật, yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo đơn đề nghị ngày 19/4/2018. Ngoài ra người bị hại không yêu cầu thêm gì về phần bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, cán bộ Điều tra Công an huyện Lang Chánh, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện trình tự, thủ tục đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời nhận tội của bị cáo Lê Thị Th tại phiên tòa là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng hơn 17 giờ ngày 03/02/2018, do chị T có nghi ngờ bị cáo Th chặt đứt ống dẫn nước sinh hoạt từ trên đôi về nhà mình, khi biết việc đó bị cáo Th đến nhà chị T hỏi tại sao lại nghi ngờ việc đó cho bị cáo, khi đến nhà chị T, giữa bị cáo và chị T có lời qua tiếng lại với nhau. Th đã cầm một đoạn gỗ dạng củi kích thước khoảng hơn một mét, đường kính khoảng 04 centimet tại đồng củi nơi chị T ngồi nấu cơm. Th cầm thanh củi bằng tay phải vụt theo hướng từ trên xuống trúng vào vùng mặt trước cằm tay phải của chị T. Sau khi bị đánh chị T đứng lên rồi quay người bỏ chạy. Th tiếp tục cầm đoạn củi bằng tay phải vụt trúng vùng

lưng bên phải của chị T. Chị Tuân tiếp tục bỏ chạy khỏi nhà nên Th ném đoạn củi gỗ dùng để đánh chị T vào đóng cửa rồi đi về nhà mình. Theo biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 04/02/2018 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lang Chánh thì 1/3 cẳng tay phải chị T có vết sưng nề bầm tím, tụ máu, cổ tay phải xước da, nề nhẹ, vết xây xước da sưng nề tại vùng lưng bên phải. Hậu quả làm chị T tổn hại 12% sức khỏe, hành vi của Lê Thị Th phạm tội “ Cố ý gây thương tích” . Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh truy tố bị cáo Lê Thị Th về tội “ Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 134 của BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác, bị cáo đã dùng gậy đánh vào tay, lưng và gây thương tích cho chị T. Để kỷ cương pháp luật được tôn trọng, trật tự an toàn xã hội được duy trì, tính mạng, sức khỏe của mọi người được bảo vệ, để giáo dục người phạm tội, hành vi của bị cáo phải được xử lý nghiêm minh theo qui định của BLHS.

Song Hội đồng xét xử cũng xét, sau khi gây thương tích cho chị T bị cáo thành khẩn khai nhận và rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình gây ra, bị cáo đã chủ động nhiều lần đến nhà chị T xin lỗi và bồi thường thiệt hại một phần cho chị T, nhưng không gặp được chị T hay người nhà của chị T. Trước khi đưa vụ án ra xét xử bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả do bị cáo gây ra, số tiền là **5.000.000đ (Năm triệu đồng)**. Mặt khác người bị hại cũng có lỗi một phần, bị cáo là người dân tộc thiểu số, không có trình độ học vấn nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế; đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo sớm trở thành người tốt.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, và có nhiều tình tiết giảm nhẹ đã nêu trên .Từ trước đến nay bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội, có chỗ ở ổn định rõ ràng, có khả

năng tự cải tạo tốt, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của BLHS, cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú quản lý và giáo dục cũng đủ điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành công dân tốt.

Về bồi thường thiệt hại: Việc chị Lê Thị T bị thương phải điều trị thương tích là hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, vì vậy chị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại trong việc điều trị thương tích là có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, yêu cầu bồi thường của chị Tuấn là chưa phù hợp với thực tế, nên cần xem xét để chấp nhận những yêu cầu hợp lý như sau:

1- Đối với khoản mất thu nhập của chị T từ ngày bị Thanh gây thương tích cho đến khi bình phục hoàn toàn và có thể lao động được lại bình thường là 03 tháng, bình quân thu nhập của chị T là $1.700.000\text{đ}/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng} = 5.100.000\text{đ}$. Đối với yêu cầu trên của chị Tuấn HĐXX thấy rằng, căn cứ vào độ tuổi lao động tại địa phương về mức thu nhập của chị T yêu cầu là phù hợp, nên có căn cứ để chấp nhận.

2- Đối với tiền mất thu nhập của chị T đi Bệnh viện điều trị 02 ngày và tiền mất thu nhập của chồng chị T là người đi chăm sóc, cả 2 người là 04 và tính 01 ngày mất thu nhập của chị T đi giám định sức khỏe là 05 ngày mất thu nhập, tính mức thu nhập lao động bình quân của chồng chị T tại địa phương là $150.000\text{đ}/\text{ngày}/\text{người}$ là 750.000đ .

3- Đối với khoản tiền chị T tự mua thuốc uống $1.90.000\text{đ}$, không có kê đơn chỉ dẫn của Bác Sĩ, chị T không xuất trình được hoá đơn chứng từ để chứng minh nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận.

4- Đối với khoản tiền chị T yêu cầu mất thu nhập từ làm ruộng là $3.000.000\text{đ}$. HĐXX xét thấy đã buộc bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập 3 tháng là $5.100.000\text{đ}$ như đã yêu cầu trên, nên không có cơ sở để yêu cầu bị cáo bồi thường về mất thu nhập từ làm ruộng đối với chị T.

5- Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần, chị T yêu cầu 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Xét về trường hợp vết thương của chị T chỉ 12% do đó không ảnh hưởng đến thẩm mỹ nên tổn thất về tinh thần là không lớn. Vì vậy chỉ chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho chị T bằng 12 (Mười hai) tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm là 1.390.000đ/tháng; 12 tháng x 1.390.000đ/tháng = 16.680.000đ (*Mười sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*);

Tổng cộng số tiền buộc bị cáo phải bồi thường cho chị T là: 22.530.000đ (*Hai mươi hai triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

Để đảm bảo cho việc bồi thường khắc phục hậu quả của mình gây ra, khi Tòa án thụ lý và trước khi đưa vụ án ra xét xử, bị cáo đã tự nguyện nộp **5.000.000đ** (*Năm triệu đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lang Chánh, theo Biên lai thu tiền số: AA/20105/0001054, ngày 03/8/2018. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật người bị hại được nhận số tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lang Chánh. Bị cáo Lê Thị Th còn phải bồi thường tiếp cho chị T số tiền **17.350.000đ** (*Mười bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí nên HĐXX xem xét miễn nộp toàn bộ tiền án phí HSST và án phí DS theo giá ngạch cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Th phạm tội “ *Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 134; Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Thị Th **24** (*Hai bốn*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **48** (*Bốn tám*) tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho

UBND xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm bồi thường: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 590, Điều 357 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Lê Thị Th có trách nhiệm bồi thường cho chị Lê Thị T số tiền chi phí hợp lý sau:

1- Đối với khoản mất thu nhập của chị Tuấn 03 tháng sau khi bình phục sức khỏe là 5.100.000đ (*Sáu triệu đồng*);

2- Đối với khoản mất thu nhập của chị Tuấn và chồng chị T nằm điều trị tại bệnh viện và tiền mất thu nhập đi giám định sức khỏe 750.000đ;

3 Bồi thường khoản tiền tổn thất về tinh thần 16.680.000đ (*Mười sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*);

Tổng cộng số tiền buộc bị cáo Th phải bồi thường cho chị T là 22.530.000đ (*Hai mươi hai triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

Chấp nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường **5.000.000đ** (*Năm triệu đồng*)

tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lang Chánh, theo Biên lai thu tiền số: AA/20105/0001054, ngày 03/8/2018. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật người bị hại được nhận lại số tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lang Chánh.

Bị cáo Lê Thị Th còn phải bồi thường tiếp cho chị T số tiền **17.530.000đ** (*Mười bảy triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị T có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo Th không nộp đủ số tiền còn phải bồi thường thì phải chịu lãi đối với số tiền còn

phải bồi thường theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự cho bị cáo.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người bị hại, người bào chữa;
- VKSND H. Lang Chánh, VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT Công an huyện Lang Chánh;
- Chi cục THADS Lang Chánh;
- Hồ sơ thi hành án hình sự;
- CQTHAHS Công an huyện lang Chánh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Trương Thị H